

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VẠN THỊNH PHÁT BẮC NINH

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VẠN THỊNH PHÁT BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301204297

3. Ngày thành lập: 10/03/2022

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đình, Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0986241881

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                         | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                         | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                    | 4390     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620     |
| 6.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                         | 4631     |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                     | 4632     |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                       | 4633     |
| 9.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                  | 4634     |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                   | 4641     |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                     | 4649     |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                    | 4651     |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                     | 4652     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                 | 4653     |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                        | 4659     |
| 16. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan           | 4661     |
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                    | 4662     |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                | 4663     |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                      | 4669     |
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                    | 7110     |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                         | 7410     |

|     |                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                        | 4690        |
| 23. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                          | 0810        |
| 24. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                               | 2391        |
| 25. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                    | 2392        |
| 26. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                            | 2393        |
| 27. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                       | 2394        |
| 28. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao        | 2395        |
| 29. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                            | 2396        |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                         | 4932(Chính) |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                           | 4933        |
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                | 5510        |
| 33. | Cơ sở lưu trú khác                                                       | 5590        |
| 34. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                         | 5610        |
| 35. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng | 5621        |
| 36. | Dịch vụ ăn uống khác                                                     | 5629        |
| 37. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                  | 5630        |
| 38. | Xây dựng nhà để ở                                                        | 4101        |
| 39. | Xây dựng nhà không để ở                                                  | 4102        |
| 40. | Xây dựng công trình đường sắt                                            | 4211        |
| 41. | Xây dựng công trình đường bộ                                             | 4212        |
| 42. | Xây dựng công trình điện                                                 | 4221        |
| 43. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                      | 4222        |
| 44. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                       | 4223        |
| 45. | Xây dựng công trình công ích khác                                        | 4229        |
| 46. | Xây dựng công trình thủy                                                 | 4291        |
| 47. | Xây dựng công trình khai khoáng                                          | 4292        |
| 48. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                    | 4293        |
| 49. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                               | 4299        |
| 50. | Phá dỡ                                                                   | 4311        |
| 51. | Chuẩn bị mặt bằng                                                        | 4312        |
| 52. | Lắp đặt hệ thống điện                                                    | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>TRANG | Khu 5, Thị Trấn<br>Phố Mới, Huyện<br>Quế Võ, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       | 0271900012<br>80                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>QUỐC TUẤN | Thôn Đình, Thị<br>Trấn Phố Mới,<br>Huyện Quế Võ,<br>Tỉnh Bắc Ninh,<br>Việt Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 50,000       | 0270940003<br>52                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 50,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                         |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>ÁNH | Khu 5, Thị Trấn<br>Phố Mới, Huyện<br>Quế Võ, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 0271630003<br>72 |
|   |                   |                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                         | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                   |                                                                         |                                    |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/07/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027094000352

Ngày cấp: 25/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đình, Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đình, Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh